**KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

**KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**

**LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ THÁNH TÔNG**

**ĐỀ THI ĐỀ XUẤT**

**MÔN: ĐỊA LÍ 11**

**Câu I: (3,0 điểm)**

1. Tại sao thành phần và trạng thái vật chất của các lớp cấu tạo Trái Đất không đồng nhất?

2. Chứng minh rằng sự phân bố các thảm thực vật trong môi trường đới ôn hòa vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới. Giải thích nguyên nhân.

**Câu II: (2,0 điểm)**

1. Phân tích mối quan hệ giữa các ngành sản xuất vật chất với ngành dịch vụ.

2. Tại sao nói giao thông vận tải vừa là tiền đề, vừa là kết quả của sự phân công lao động theo lãnh thổ?

**Câu III: (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Phân tích tác động của cấu trúc địa hình đến khí hậu nước ta.

2. Phân tích tác động của Frông lạnh đến thời tiết và khí hậu Bắc Bộ.

**Câu IV: (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. So sánh sự khác nhau trong chế độ nước sông giữa sông Hồng và sông Đà Rằng.

2. Tại sao có sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**Câu V: (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Chứng minh Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có trình độ đô thị hóa thấp nhất cả nước. Giải thích nguyên nhân.

2. Phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo giới và các vấn đề kinh tế xã hội nước ta.

**Câu VI: (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học

1. Chứng minh rằng ngành trồng trọt nước ta đang có sự chuyển dịch cả về cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ theo hướng sản xuất hàng hóa?

2. Tại sao nói sự phát triển của ngành chăn nuôi ta sẽ tạo ra nền nông nghiệp bền vững ở nước ta?

**Câu VII: (3,0 điểm)**

Cho bảng số liệu

**Sản lượng thuỷ sản nước ta giai đoạn 2010 – 2020**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  | **Tổng số** | **Khai thác** | **Nuôi trồng** |
| --- | --- | --- | --- |
| 2010 | 5.204,5 | 2.472,2 | 2.732,3 |
| 2013 | 6.133,7 | 2.835,5 | 3.298,2 |
| 2016 | 6.924,4 | 3.264,1 | 3.660,3 |
| 2020 | 8.635,7 | 3.896,5 | 4.739,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

1. Dựa vào bảng số liệu kết hợp với kiến thức đã học, nhận xét về tình hình phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

2. Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng thuỷ sản nước ta tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây.

-----------------------------------

HẾT

Người ra đề: Trương Thị Ngọc Trinh

Số điện thoại: 0764059828

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I (3,0 điểm)** | **1** | **Tại sao thành phần và trạng thái vật chất của các lớp cấu tạo Trái Đất không đồng nhất?** | **1,0** |
| - Trong lòng Trái Đất có nguồn nhiệt lớn sinh ra từ hiện tượng nén trọng lực và phân hủy phóng xạ. Càng vào sâu trong lòng Trái Đất nhiệt độ ngày càng cao làm cho kim loại bị nóng chảy. - Vật chất trong tâm Trái Đất bị nén lại, nóng lên, còn vật chất trên bề mặt lại bị nguội đi do bức xạ nhiệt.  - Vì vậy, hiện tượng nóng chảy chỉ diễn ra chủ yếu ở độ sâu không lớn. các chất silicat, vật chất nhẹ nổi lên trên hình thành vỏ Trái Đất (thành phần chủ yếu: silicat. Ai, Ca, các loại đá... trạng thái rắn)  - Còn các kim loại nặng hơn thì chìm xuống dưới trong điều kiện nhiệt độ tăng dần đã dẫn đến sự phân hóa Trái Đất ra 3 lớp: Vỏ, Manti, Nhân. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Chứng minh rằng sự phân bố các thảm thực vật trong môi trường đới ôn hòa vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới. Giải thích nguyên nhân.** | **2,0** |
| \* Chứng minh  - Quy luật địa đới: từ nam lên bắc lần lượt có thảm thực vật rừng cây bụi lá cứng cận nhiệt ở 30 – 40oB, rừng lá rộng và rừng hỗn hợp ôn đới ở 40 – 60oB, rừng lá kim ở 60 – 70oB  - Quy luật phi địa đới:  + Quy luật địa ô:   * Trong đới cận nhiệt: bờ đông lục địa là rừng cận nhiệt ẩm, bờ tây lục địa là hoang mạc, bán hoang mạc hoặc rừng cây bụi lá cứng. * Trong vùng ôn đới: trung tâm lục địa là thảo nguyên, bờ tây là rừng hỗn hợp và rừng lá rộng.   + Quy luật đai cao: sự thay đổi các thảm thực vật theo độ cao địa hình. Ví dụ các thảm thực vật trên dãy Anpơ. (dẫn chứng)  \* Giải thích  - Sự phát triển và phân bố thảm thực vật cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp của cả nội lực (sinh ra lục địa, đại dương, địa hình núi cao) và ngoại lực (bức xạ mặt trời) thông qua sự thay đổi của các yếu tố khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng)  - Thảm thực vật thay đổi theo vĩ độ: Do TĐ hình cầu, góc nhập xạ giảm từ vùng cận nhiệt lên ôn đới nên nhiệt độ cũng giảm, dẫn đến thảm thực vật cũng thay đổi.  - Sự phân bố khác nhau của các thảm thực vật từ đông sang tây chủ yếu do khác nhau về độ ẩm. Vùng cận nhiệt bờ tây  mưa ít nên hình thành hoang mạc, bán hoang mạc, bờ đông mưa nhiều nên hình thành rừng cận nhiệt ẩn. Vùng ôn đới bờ tây mưa nhiều nên phát triển rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, trung tâm lục địa ít mưa nên hình thành thảo nguyên.  - Sự thay đổi thảm thực vật theo độ cao chủ yếu do sự giảm nhiệt độ và sự thay đổi độ ẩm, lượng mưa theo độ cao. Ngoài ra do hướng sườn khác nhau nhận được chế độ nhiệt, ẩm, ánh sáng khác nhau nên độ cao các đai thực vật cũng khác nhau. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **II (2,0 điểm)** | **1** | **Phân tích mối quan hệ giữa các ngành sản xuất vật chất với ngành dịch vụ.** | **1,0** |
| - Các ngành sản xuất vật chất tác động đến ngành dịch vụ:  + Cung cấp cơ sở vật chất, kĩ thuật, nguồn hàng và nguồn lao động. (diễn giải)  + Quyết định đến quy mô và sự phân bố của ngành dịch vụ. (diễn giải)  - Ngành dịch vụ tác động đến các ngành sản xuất vật chất:  + Tham gia đắc lực vào quá trình tái sản xuất xã hội.  + Tác động tới quy mô, phân bố và sự phát triển của các ngành sản xuất vật chất. (diễn giải) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Tại sao nói giao thông vận tải vừa là tiền đề, vừa là kết quả của sự phân công lao động theo lãnh thổ?** | **1,0** |
| - Phân công lao động theo lãnh thổ là mỗi lãnh thổ dựa vào thế mạnh của mình để sản xuất các sản phẩm hàng hóa trao đổi với các lãnh thổ khác mặt khác lại tiêu thụ sản phẩm của các lãnh thổ khác mà vùng không có hoặc còn thiếu.  Như vậy mỗi lãnh thổ tham gia vào phân công lao động ở 2 khía cạnh cung cấp hàng hóa của mình và tiêu thụ hàng hóa của vùng khác.  - GTVT là tiền đề của sự phân công lao động theo lãnh thổ: GTVT có vai trò vận chuyển hàng hóa, thực hiện các mối giao lưu kinh tế giữa các vùng, giúp các vùng trao dổi sản phẩm với nhau. Nếu không có GTVT không thể thực hiện sự phân công lao động theo lãnh thổ.  - GTVT là kết quả của sự phân công lao động theo lãnh thổ: Trình độ phân công lao động theo lãnh thổ càng cao thì nhu cầu trao đổi sản phẩm giữa các vùng càng lớn từ đó thúc đẩy GTVT phát triển. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **III**  **(3,0 điểm)** | **1** | **Phân tích tác động của cấu trúc địa hình đến khí hậu nước ta.** | **2,0** |
| - Đặc điểm cấu trúc địa hình nước ta: địa hình được cổ được tân kiến tạo làm trẻ lại có tính phân bậc, hướng núi chính là TB-ĐN và vòng cung, hướng nghiêng chung là TB-ĐN... Địa hình là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phân hoá phức tạp của khí hậu VN.  - Địa hình được trẻ lại và có tính phân bậc 🡪 Khí hậu phân hoá theo đai cao (dẫn chứng).  - Hướng nghiêng TB – ĐN 🡪 ảnh hưởng của biển tiến sâu vào trong đất liền.  - Hướng núi  + Hướng TB – ĐN: dãy HLS tạo ra sự phân hoá khí hậu Đông Bắc – Tây Bắc, dãy Trường Sơn Bắc làm cho mùa mưa duyên hải Bắc Trung Bộ đến muộn và lệch về thu đông...  + Hướng T − Đ: dãy Bạch Mã ngăn chặn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào phần lãnh thổ phía Nam, tạo nên sự khí hậu phân hoá Bắc – Nam với ranh giới là dãy Bạch Mã.  + Hướng vòng cung: Vùng núi Đông Bắc đón gió mùa Đông Bắc đầu tiên khiến cho Đông Bắc là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta, hướng vòng cung Trường Sơn Nam làm cho mưa ở duyên hải Nam Trung Bộ lệch về thu đông... | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **2** | **Phân tích tác động của Frông lạnh đến thời tiết và khí hậu Bắc Bộ.** | 1,0 |
| - Frông lạnh là mặt ngăn cách giữa khối khí cực (NPc) và khối khí trước nó đang tồn tại ở Việt Nam.  - Vào mùa đông khối khí lạnh từ phương bắc tràn về lãnh thổ nước ta cùng với nó là Frông lạnh. Frông lạnh hoạt động theo từng đợt.  - Ảnh hưởng đến thời tiết và khí hậu Bắc Bộ:  + Làm cho nhiệt độ, độ ẩm, mưa, gió có sự biến đổi, nhiều khi rất đột ngột. Khi Frông tràn qua, gió đổi hướng đột ngột và mạnh lên, nhiệt độ giảm, mưa tăng.  + Hoạt động của Frông lạnh ở Bắc Bộ có sự phân hóa: hoạt động mạnh nhất ở khu vực Đông Bắc và Đồng bằng Bắc Bộ do các cánh cung hút gió. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **IV (3,0 điểm)** | **1** | **So sánh sự khác nhau trong chế độ nước sông giữa sông Hồng và sông Đà Rằng.** | **2,0** |
| - Khái quát 2 sông: sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, đổ ra biển Đông bằng các cửa biển: Trà Lí, Ba Lạt, Lạch Giang; sông Đà Rằng bắt nguồn từ cao nguyên Kon Tum đổ ra biển Đông với 1 cửa biển là cửa Diệt.  - Tổng lượng nước sông: sông Hồng lớn hơn sông Đà Rằng (dẫn chứng)  - Chế độ nước sông:  + Sông Hồng có mùa lũ từ tháng 6 - tháng 10 và mùa cạn từ tháng 11 - tháng 4, đỉnh lũ vào tháng 8. Lũ lên nhanh, rút chậm, chênh lệch lưu lượng nước lớn.  + Sông Đà Rằng có mùa lũ lệch vào thu đông từ tháng 9 - tháng 12, mùa khô từ tháng 1 - tháng 8, đỉnh lũ vào tháng 11. Lũ lên nhanh rút nhanh, chênh lệch lưu lượng nước nhỏ hơn. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **2** | **Tại sao có sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Nam Trung Bộ và Nam Bộ?** | **1,0** |
| - Sự khác nhau:  + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: trong rừng loài thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài cận nhiệt (dẻ, re...) và các loài ôn đới (samu, pomu....)  + Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ: các loài nhiệt đới, xích đạo chiếm ưu thế (cây họ đậu, vang, dầu...)  - Giải thích:  + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh; có sự di cư của các loài từ Hoa Nam xuống.  + Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ: có khí hậu cận xích đạo gió mùa; các loài có nguồn gốc Mã Lai – Inđônêxia, Ấn Độ - Mianma đến. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **V (3,0 điểm)** | **1** | **Chứng minh Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có trình độ đô thị hóa thấp nhất cả nước. Giải thích nguyên nhân.** | **2,0** |
| - Chứng minh  + Tỉ lệ dân thành thị thấp nhất cả nước (d/c).  + Mạng lưới đô thị thưa thớt, phân tán, nhất là ở vùng núi.  + Số lượng đô thị nhiều nhưng quy mô dân số đô thị nhỏ, phần lớn dưới 100.000 người/đô thị  + Chủ yếu là các đô thị loại 3,4  + Chức năng đô thị đơn giản, phần lớn chỉ có chức năng hành chính, một số ít đô thị có chức năng công nghiệp và chức năng khác  + Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật, môi trường đô thị… kém phát triển và thiếu thiếu đồng bộ.  - Nguyên nhân  + Trình độ phát triển kinh tế vào loại thấp nhất cả nước, công nghiệp, dịch vụ kém phát triển, nhất là ở vùng núi.  + Mật độ dân số thấp nên qui mô đô thị nhỏ và phân tán; các nhân tố khác như nhiều đơn vị hành chính, nông nghiệp – lâm nghiệp có vai trò quan trọng… | 0,25 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo giới và các vấn đề kinh tế xã hội nước ta.** | **1,0** |
| - Cơ cấu dân số theo giới tác động đến các vấn đề kinh tế xã hội: Tỉ số giới tính nước ta thấp (dẫn chứng) ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.  - Các vấn đề kinh tế - xã hội tác động đến cơ cấu theo giới:  + Hậu quả của chiến tranh kéo dài cộng với trình độ kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, công tác bình đẳng giới thực hiện dẫn tới tỉ số giới tính thấp hơn so với các nước đang phát triển.  + Ở nhiều địa phương, tư tưởng cũ còn tồn tại, chính sách dân số hạn chế số con cùng với tiến bộ y học làm cho tỉ số giới tính khi sinh cao; cơ cấu giới tính nước ta đang tiến tới cân bằng.  + Ở một số địa phương, di cư tác động đến tỉ số giới tính của từng vùng. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **VI (3,0 điểm)** | **1** | **Chứng minh rằng ngành trồng trọt nước ta đang có sự chuyển dịch cả về cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ theo hướng sản xuất hàng hóa?** | **1,5** |
| - Sản xuất hàng hóa: hướng đến thị trường, sản xuất qui mô lớn, ứng dụng khoa học kĩ thuật, mang lại hiệu quả cao hơn  - Chuyển dịch cơ cấu ngành:  + Tăng tỉ trọng nhóm cây công nghiệp, rau đậu. Giảm tỉ trọng nhóm cây lương thực, ăn quả, cây khác.  + Trong nhóm cây công nghiệp: tăng tỉ trọng cây lâu năm, giảm tỉ trọng cây hàng năm.  - Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ:  + Hình thành vùng sản xuất với qui mô lớn như các vùng chuyên canh cây công nghiệp (Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ), vùng trọng điểm sản xuất lương thực (Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng)  + Các vùng chuyên canh đều có sản phẩm chuyên môn hóa, nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao như cà phê ở Tây Nguyên, cao su ở Đông Nam Bộ, lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long  + Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp hiệu quả cao: trang trại, các khu nông nghiệp công nghệ cao. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Tại sao nói sự phát triển của ngành chăn nuôi ta sẽ tạo ra nền nông nghiệp bền vững ở nước ta?** | **1,5** |
| - Khái niệm: Phát triển bền vững trong nông nghiệp là sự kết hợp hài hòa giữa các ngành trong sản xuất nông nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế - xã hội và môi trường.  - Sự phát triển của ngành chăn nuôi ta sẽ tạo ra nền nông nghiệp bền vững ở nước ta vì:  + Chăn nuôi sẽ thúc đẩy ngành trồng trọt phát triển thông qua việc sử dụng các phụ phẩm của ngành sản xuất lương thực, cung cấp sức kéo và phân bón cho đồng ruộng…  + Tận dụng được những phụ phẩm của ngành thủy sản.  + Thúc đẩy các dịch vụ nông nghiệp phát triển: cung ứng vật tư, giống vật nuôi, vốn…  + Đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.  + Tạo ra các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, tăng nguồn thu ngoại tệ. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **VII (3,0 điểm)** | **1** | **Nhận xét về tình hình phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta giai đoạn 2010 - 2020.** | **1,5** |
| \* Về quy mô:  - Tổng sản lượng, thủy sản khai thác, thủy sản nuôi trồng đều tăng. (dẫn chứng)  - Sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn so với thủy sản khai thác. (dẫn chứng)  - Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn với thủy sản khai thác. (dẫn chứng)  \* Về cơ cấu:  - Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao hơn thuỷ sản khai thác. (dẫn chứng)  - Cơ cấu sản lượng thuỷ sản nước ta giai đoạn 2010 – 2020 thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng ngành khai thác, tăng tỉ trọng ngành nuôi trồng. | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng thuỷ sản nước ta tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây.** | **1,5** |
| - Do tác động mạnh của yếu tố thị trường (thị trường trong nước và quốc tế, đặc biệt khi nước ta gia nhập WTO...)  - Do những hiệu quả kinh tế cao mà thủy sản nuôi trồng đem lại (Tính chủ động trong sản xuất hàng hóa, tính chọn lọc...)  - Do các chính sách, định hướng, khuyến khích phát triển hoạt động thủy sản nuôi trồng của Nhà nước...  - Do nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản (ĐKTN – ĐK KT XH), các điều kiện này đang được phát huy một cách hiệu quả…  - Do sự hỗ trỡ đắc lực của nhiều ngành đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, đặc biệt (Công nghiệp chế biến; Thương mại; hỗ trợ đầu tư vốn, khoa học – kĩ thuật...)  - Phát triển thủy sản nuôi trồng còn góp phần đắc lực trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên (đặc biệt thủy sản ven bờ...) | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |